# ĐIÊU KHẮC TƯỢNG TRÒN CHẤT LIỆU ĐẤT SÉT ĐẮP CHÙA DÂU - CHÙA BÚT THÁP TỈNH BẮC NINH

### SCULPTURE OF BANKED CLAY ROUNDED STATUES

**IN DAU PAGODA – BUT THAP PAGODA, BAC NINH PROVINCE**

#### Đào Mạnh Đạt\*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/11/2020 Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 03/5/2021 Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/5/2021

***Tóm tắt:*** *Trong kho tàng nghệ thuật truyền thống dân tộc của người Việt có rất nhiều loại hình nghệ thuật độc đáo, trong đó nghệ thuật điêu khắc tượng chùa bằng chất liệu đắt sét đắp khá phổ biến ở thế kỷ XVII- XIX. Điều đặc biệt ở các pho tượng Phật giáo làm từ đất sét này là kích thước đồ sộ, sự hoành tráng, đa dạng trong chủng loại, đặc sắc ở nghệ thuật tạo hình, chức năng của các pho tượng cũng được nhận biết rõ ràng. Trải qua nhiều thăng trầm biến đổi của của lịch sử, các yếu tố tự nhiên, con người, các pho tượng đất sét còn lại không nhiều. Ngày nay do xã hội phát triển đời sống vật chất phong phú, nhiều loại chất liệu có phẩm chất cao hơn được sử dụng trong chế tác tượng Phật giáo vì vậy nghệ thuật tạo tượng bằng đất sét dần đi vào lịch sử. Dẫu vậy những giá trị thẩm mỹ đặc biệt của tượng Phật giáo đất sét đắp mãi là những di sản đặc sắc của tinh hoa nghệ thuật truyền thống dân tộc Việt Nam.*

*Với những giá trị truyền thống và nghệ thuật đặc biệt nêu trên, việc bảo tồn nghệ thuật tượng Phật giáo đất sét đắp là trách nhiệm của người Việt nói chung, các nhà chuyên môn nói riêng là rõ ràng và cấp thiết. Từ phương pháp tiếp cận Cấu trúc Mỹ thuật học bài viết của tác giả nhằm cung cấp thêm những tư liệu nghiên cứu về nghệ thuật và văn hóa góp phần bảo tồn và phát huy loại hình nghệ thuật quý giá này.*

***Từ khóa:*** *Điêu khắc, tượng tròn, đất sét, nghệ thuật, văn hóa.*

***Abstract:*** *In the treasure of traditional Vietnamese art, there are many unique art forms, in which the art of sculpting pagoda statues with expensive materials was quite popular in the 17th-19th centuries. The special thing about these Buddhist statues made from clay is that they are massive in size, majestic, diverse in types, unique in the visual arts, and the functions of the statues as well are clearly recognised. Experiencing many ups and downs of history, of natural and human factors, there are not many remaining clay statues. Nowadays, due to the development of society, with rich material life, more high-quality materials are used in making Buddhist statues, so the art of making clay statues gradually goes down in history.*

* Khoa Tạo dáng Công nghiệp, Trường Đại học Mở Hà Nội

*However, the special aesthetic values of the clay Buddha statues are the unique heritages of the quintessence of traditional Vietnamese art. With the above-mentioned special artistic and traditional values, the preservation of the art of Buddhist clay sculptures is the responsibility of the Vietnamese people in general and of experts in particular. From the Structural-Artistic approach, the article provides additional research materials on art and culture, contributing to the preservation and promotion of this precious art form.*

***Keywords:*** *Sculpture, rounded statues, clay art, culture.*

##### Khái niệm: Tượng tròn

Tượng tròn là một định dạng tạo hình của nghệ thuật điêu khắc, trong đó các phương pháp tạo hình được thực hiện ở các chiều không gian của đối tượng nghệ thuật, luôn được hoàn thành bằng các diện mảng quy về hình tròn hoặc các biến thể của hình tròn.

* 1. **Đặt vấn đề**

Ngày nay, những tinh hoa của nghệ thuật điêu khắc tượng đất của Việt Nam vẫn còn lưu giữ được một số tượng đất nung từ thời Lý - Trần (thế kỷ XI-XIV). Tuy nhiên, đa phần những tượng đất nung này là tượng trang trí kiến trúc, rất hiếm gặp tượng đất nung trong Phật điện. Theo các tư liệu đã công bố thì hầu như không có tượng Phật bằng đất nung có kích thước lớn. Nếu như tượng Phật bằng đất nung, tượng gỗ, tượng đá thời Lý - Trần vẫn còn lại dấu tích và một vài tác phẩm đơn lẻ thì tượng đắp bằng đất sét ở hai vương triều này và thời Lê thế kỷ XVI, chỉ được ghi nhận trong một vài thư tịch cổ, nhưng cũng hết sức hạn chế và sơ sài. Những pho tượng đất sét đắp còn lại đến ngày nay có niên đại sớm nhất là thế kỷ XVII, song số tượng cũng rất hạn chế. Tại một số ngôi chùa cổ vùng Kinh Bắc, xứ Đoài, ở Quảng Ninh, Hưng Yên, hiện còn lưu giữ các pho tượng bằng đất sét đắp chủ yếu được đặt trong các đền, chùa. Vì chất liệu kém bền vững, nên để

trang trí và gia cố bề mặt tăng cường tuổi thọ, các tượng thờ bằng đất sét thường được phủ lên các lớp sơn ta làm các lớp da bảo vệ, nhằm làm giảm tác động của các yếu tố tiêu cực của ngoại cảnh. Tuy vậy tượng đất cũng không thể tồn tại lâu dài như tượng gỗ, hay tượng đá. Bằng chứng rõ nét nhất là trong kho tàng nghệ thuật điêu khắc cổ của Việt Nam, không còn pho tượng bằng đất sét đắp nào có niên đại trước thế kỷ XVII.

##### Cơ sở lý thuyết

Bài viết sử dụng lý thuyết: *Vùng văn hóa*, làm lý thuyết nghiên cứu chính.

Lý thuyết Vùng văn hóa là khu vực văn hóa chỉ một không gian địa lý - lịch sử đồng nhất, mà sự hình thành của nó cơ bản dựa trên việc tổ hợp các yếu tố văn hóa được chia sẻ và lan truyền. Giả thuyết cho rằng những đặc điểm văn hóa có nguồn gốc ở trung tâm và khuếch tán ra những khu vực xung quanh, cung cấp khả năng suy luận lịch đại dựa trên mối quan hệ thời gian và không gian. Việc sử dụng lý thuyết Vùng văn hóa giúp xác định được hướng nghiên cứu một cách thuận lợi hơn, tạo điều kiện tiếp cận đối tượng nghiên cứu chính được chính xác hơn. Cụ thể trong bài viết này, vùng văn hóa được đề cập đến là tỉnh Bắc Ninh thuộc vùng Kinh Bắc xưa. Đối tượng nghiên cứu chính là: tượng tròn đất sét đắp, thuộc chùa Dâu và chùa Bút Tháp.

##### Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu áp dụng trong bài viết: *Phương pháp Cấu trúc mỹ thuật học.*

Phương pháp này là cách thức tiếp cận nghiên cứu đối tượng từ những đặc trưng về mỹ thuật như: cấu trúc, hình khối, màu sắc, chất liệu, quy trình... Nhằm phát hiện ra những vấn đề khoa học được nảy sinh từ đối tượng nghiên cứu.

##### Kết quả và thảo luận

Trong văn hóa của cư dân nông nghiệp, đất chiếm một vị trí vô cùng quan trọng và gần gũi. Đất là nơi ở, nơi canh tác nuôi sống con người. Đất còn được dùng để tạo tác ra các tác phẩm nghệ thuật nuôi dưỡng đời sống tâm hồn của họ. Đất sét rất sẵn là loại vật liệu đáp ứng được mục đích tạo tác ra các pho tượng có kích thước to lớn, hoành tráng, mà ở thể loại vật liệu gỗ hoặc đá khó đáp ứng được. Chính nguồn nguyên liệu sẵn có, dồi dào mà các nghệ nhân dân gian mới tạo ra được các pho tượng Hộ Pháp to lớn, là thể loại tượng to lớn nhất được đặt trong không gian nội thất của nhà chùa. Tuy nhiên tượng đất cũng có những hạn chế là hút ẩm mạnh, rất dễ hư hỏng bởi các yếu tố tiêu cực của ngoại cảnh tác động, trong điều kiện không được bảo quản tốt, cho dù bề ngoài của các pho tượng đã được phủ các lớp sơn ta dày để tăng thêm độ bền vững. Điều này cũng lý giải một phần vì sao ngày nay trong kho tàng nghệ thuật điêu khắc cổ nước nhà không còn tồn tại các pho tượng đất sét đắp có niên đại trước thế kỷ XVII.

###### Quy chuẩn trong tạo tượng Phật giáo.

Trước khi tiến hành tạo tác tượng, người nghệ nhân phải nắm vững công thức tạc tượng được coi như phần cốt tử

của nghề. Trong luận văn thạc sĩ *Nghề tạc tượng ở Hà Cầu Đồng Minh Vĩnh Bảo Hải Phòng* của Trương Duy Bích có đề cập đến một số phép tô tượng cổ xưa, dẫn từ cuốn *Tạc tượng lượng độ kinh* của người Trung Quốc. Có thể tóm tắt:

* + Tổng chiều cao tượng Phật ngồi là: 64 ngón (kể cả búi tóc là 68 ngón)*.*
  + Tổng chiều cao tượng Phật đứng là: 116 ngón (kể cả búi tóc là 120 ngón)*.*

Tỷ lệ của các phần trên tượng như sau:

Mặt dài 16 ngón, rộng 12 ngón; cổ dài 4 ngón; từ vú đến rốn 12 ngón; từ rốn đến âm nang 12 ngón; từ âm nang đến bẹn 4 ngón.

* + Phần chân: từ bẹn đến đầu gối bánh chè 4 ngón; từ bánh chè đến mắt cá 24 ngón; từ mắt cá đến hết bàn chân 4 ngón.
  + Phần tay: từ đầu vai đến khuỷu tay 20 ngón; từ khuỷu tay đến cổ tay 16 ngón; từ cổ tay đến đầu ngón tay giữa 12 ngón. Đơn vị ngón là phân chia cơ thể ra làm 120 phần bằng nhau: 1/120 này được gọi là 1 *ngón* .

Còn có những công thức truyền miệng như sau: toạ tứ lập thất, tức là một tượng Phật ngồi bằng 4 đầu, tượng đứng bằng 7 đầu. Nhất diện phân lưỡng kiên: chiều ngang của mặt bằng nửa chiều ngang của hai vai. Nhất diện phân tam trùng: từ chân tóc đến lông mày bằng lông mày đến đỉnh mũi, bằng từ đỉnh mũi đến hết… Đã có sự chuyển hóa từ văn bản sang tri thức truyền miệng, công thức truyền miệng được rút gọn so với công thức văn bản. Với một thông số cố định, tất cả các tượng dựng theo dù to bé lớn nhỏ cần nắm được ba yếu tố: chiều cao

của pho tượng., tượng đứng hay tượng ngồi. và tên gọi của pho tượng.

Với ba yếu tố cơ bản này cộng với thông số của phép dựng tượng, nghệ nhân sẽ chủ động hoàn thành sản phẩm, bởi họ không chỉ thuần thục các mẫu tượng thờ trong nhà chùa do đã có nhiều năm, nhiều đời làm nghề tạc tượng, mà còn là sự nắm vững những quy chuẩn trong việc tạo tác tượng chùa. Một trong những phương châm nghề mà nghệ nhân tạc tượng thờ phải thuộc và lấy đó làm đạo đức nghề là *“làm tượng mà đo lường không đích, thì thần không ở”*. Qua công việc của người làm tượng, chúng ta có thể cảm nhận được, họ có một đức tin trong sáng và thuần phác vào thần thánh và đức Phật. Đây cũng là yếu tố không thể thiếu trong sự thành công trong nghệ thuật tạo tượng tôn giáo.

Như đã trình bày ở phần trên, những đơn vị phân chia các tỉ lệ của pho tượng, mà người thợ, làng nghề lấy làm “thước tầm”, để ứng xử trong quá trình thao tác nghề nghiệp của mình. Tuy nhiên, hầu hết các nghệ nhân mà chúng tôi được trao đổi, cho biết, đều không nắm được những quy chuẩn ấy có nguồn gốc từ đâu. Có nghệ nhân dẫn lời của các cụ cho rằng, những con số tỷ lệ và quy chuẩn ấy có trong sách *Diện quan tam muội* và *Thích Ca đồ*. Lịch sử nghệ thuật tạo hình nói chung cho thấy từ những sáng tác mang tính thơ ngây, ngẫu hứng thời tiền sử, dần dần người ta đã tìm ra những chuẩn mực mang tính khoa học về tỷ lệ, cấu trúc, bố cục, luật xa gần… mà tiêu biểu là hệ số “tỷ lệ vàng” thời Phục Hưng, cấu trúc bố cục thời kỳ “cổ điển”, từ chuẩn mực khoa học đó họ tiếp tục tìm kiếm, phát triển, sáng tạo làm cho cái đẹp phong phú, đa dạng.

Những người thợ làng nghề xưa không tiếp cận hoặc không có mối liên hệ nào với nghệ thuật châu Ấu và họ cũng không có khái niệm gì về “tỷ lệ vàng”, nhưng những con số tỷ lệ mà họ đang ứng dụng, là một chuẩn với tỷ lệ giải phẫu nhân thể người phương Đông. Trên các quy chuẩn đó họ có những áp dụng sáng tạo của riêng mình, để đạt tới một hiệu quả và cái đẹp khác. Ví dụ: từ chuẩn quy định: “lập thất” (một tượng đứng cao 7 đầu) nhưng khi tạc tượng những ông “thiện”, ông “ác” đứng ở cửa các ngôi chùa: để thích ứng với không gian cụ thể, để biểu hiện được sự oai phong, mang cảm giác chế ngự, các nghệ nhân đã đảy chiều cao của thể loại tượng này lên tới 8 đầu. Dựa vào những quy chuẩn có sẵn, trong quá trình sáng tạo, nghệ nhân tạc tượng có thể vận dụng linh hoạt để đạt tới mục đích hiệu quả nghệ thuật, triết lý làm nghề của họ cũng rất giản dị: “thuận mắt ta, ra mắt người”.

Dựa vào chuẩn mực để thao tác, sáng tạo và đã đạt được những hiệu quả cụ thể, những sự linh hoạt mang tính “phá chuẩn” trong thao tác nghề nghiệp của người nghệ nhân tạc tượng, thường chỉ diễn ra khi họ tạo tác các pho tượng thờ như: Quan hầu, Thần tướng, Kim đồng - Ngọc nữ, Giám trai… còn như đối với các loại tượng tạc: Thích ca, Di đà… thì rất ít xảy ra.

Tóm lại, trong quá trình tạo tác tượng chùa, nghệ nhân làng nghề có một hệ thống chuẩn mực về tỷ lệ, dáng thế riêng… để làm cơ sở thực hành. Trên nguyên tắc, quy chuẩn tuỳ theo từng đối tượng và không gian đặt để nhằm đạt đến một hiệu quả cao nhất cho công việc và dù chưa xác định được nguồn gốc của hệ số tỷ lệ các thành phần, các quy chuẩn “toạ

tứ”, “lập thất”, nhưng các thông số, tỷ lệ trên đều mang giá trị thực tế và khoa học, phù hợp với chuẩn tỷ lệ về giải phẫu nhân thể, đang áp dụng trong việc dạy hình hoạ của các trường mỹ thuật ở nước ta.

###### Quy trình kỹ thuật, vật liệu trong tạo tác tượng đất.

Khác với nguyên liệu để chế tác ra một pho tượng Phật giáo bằng gỗ và đá, các nguyên vật liệu của tượng đất sét đắp có các thành phần chính chính sau:

Nguyên liệu dùng để đắp tượng gồm đất sét, nước vôi, nhựa cây, mạt cưa, vỏ trấu, giấy bồi, rễ si, mật, giấy bản. Đất sét làm tượng phải chọn nơi đất sạch, tránh các uế tạp, sau khi đào lên thì phơi khô, tán nhỏ thành bột, tiếp đó sàng lọc loại bỏ sạn, khi thành bột mịn mới dùng làm tượng. Bột đất sét đó trộn với nước vôi đã lọc bỏ cặn, rễ si, mật, giấy bản, mùn cưa và vỏ trấu.

Phần cốt tượng gồm có các nguyên liệu: gỗ mít ngâm loại bỏ phần vỏ, phơi khô nơi sạch sẽ, tre già ngâm phơi khô, pha thành các thanh, rễ si dùng để liên kết cấu trúc các thanh tre hoặc gỗ lại với nhau, nếu không có rễ si có thể dùng sợi dứa. Người thợ phải tính toán khối lượng nguyên vật liệu đủ với phần cốt đã dựng tùy theo phom dáng của pho tượng.

Tiếp theo dùng hỗn hợp đất sét đã luyện kĩ đắp dần từng lớp. Sau khi ổn định phần bên trong, tiếp tục đắp những khối lớn, khối phụ và các chi tiết. Rơm khô chọn lọc được chèn chặt vào khoảng rỗng của cốt tre. Dùng vải hoặc dùng các tấm phủ có kết cấu và có độ thông thoáng vừa phải phủ lên toàn bộ phần tượng, tránh làm cho tượng khô quá nhanh dẫn đến đất bị co ngót đột ngột, dễ gây rạn nứt làm hỏng tượng. Khi các phần tổng thể pho tượng

cơ bản hoàn thành, người thợ làm những công đoạn cuối cùng của làm cốt tượng *(làm tinh)* gồm các kỹ thuật gọt, tỉa các chi tiết nhỏ, các chi tiết khó, yêu cầu có kỹ thuật cao với sự điềm đạm trong quá trình thao tác. Sau khi hoàn thiện phần *làm tinh* chuyển sang kỹ thuật làm nhẵn, đánh bóng bề mặt, các mảng khối của tác phẩm.

Để hoàn thành bề mặt một bức tượng chất liệu sơn ta truyền thống tốn rất nhiều thời gian. Những bức tượng nhỏ sẽ mất vài tuần, những pho tượng lớn hơn như tượng Phật, tượng Hộ pháp phải tính thời gian theo tháng. Các bước làm nên tác phẩm rất kỳ công, trải qua nhiều công đoạn với yêu cầu kỹ thuật cao. Quy trình này gồm 3 bước: Hom, Cầm và Tô tượng, lần lượt như sau:

Đầu tiên cần phải xử lý phần thô của bức tượng cần thếp. Làm cho bề mặt nhẵn bóng bằng giấy ráp, sau đó phủ lên một lớp sơn dày để ngăn chặn sự nứt gãy của bề mặt tượng. Quá trình sơn được gọi là Hom, đòi hỏi một số yêu cầu nghiêm ngặt:

Thứ nhất là Hom, loại sơn dùng để hom phải là sơn ta được cắt từ cây trộn với đất, pha loãng sau đó quét lên bức tượng. Nghệ nhân phải hom từ 1 đến 3 nước sơn cho tới khi đạt yêu cầu, sau đó tiến hành mài và lót thêm 5 đến10 nước sơn cuối. Tùy theo mùa và tình hình thời tiết mà thời gian khô của các lớp sơn có sự khác nhau. Trung bình, thời gian sơn lớp sơn đầu tiên đến khi hoàn thiện lớp cuối cùng sẽ mất khoảng 15 ngày.

Thứ hai là Cầm là nước sơn bao toàn bộ để định hình bề mặt tượng.

Thứ ba là Tô tượng, sau khi hoàn thành công đoạn hom và cầm cầu kỳ phức

tạp, bước cuối cùng là toát cánh gián, tô vẽ và điểm nhãn lên bức tượng, đây cũng là công đoạn cuối cùng của quy trình tạo tác một pho tượng đất.

###### Nghệ thuật điêu khắc tượng đất sét đắp

Chùa Dâu, chùa Bút Tháp thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay còn lưu giữ được một số tượng đất sét tiêu biểu cho nghệ thuật làm tượng đất cổ.

Tại chùa Dâu còn một số pho tượng đất phủ sơn như tượng Bồ Tát chắp 2 tay trước ngực (hiệp chưởng ấn), tượng Bồ Tát giơ 1 tay chỉ định, 1 tay đặt lòng 1m40. Trên thượng điện có các pho Tứ Bồ Tát *(4 vị Bồ Tát: Ái Bồ Tát, Sách Bồ Tát, Ngữ Bồ Tát và Quyền Bồ Tát),* đứng đối diện nhau, cùng một phong cách nghệ thuật với các pho Kim cương, Khuyến thiện, Trừng ác. Các pho tượng đều có đai ở bụng, những hoạ tiết trang trí trên áo, trên mũ phần lớn là hoa 4 cánh và vài thứ hoa khác, thân hình kéo dài duyên dáng.

Tại chùa Bút Tháp còn lưu giữ được bộ tượng 18 vị La Hán, tượng nhị vị Hộ Pháp cao tới 4m, ngoài ra còn có cặp tượng Thị giả, tất cả đều có niên đại thuộc thế kỷ XVIII.

Nhìn chung, nghệ thuật điêu khắc tượng đất đã đóng góp vào nền nghệ thuật cổ nước nhà những tác phẩm điêu khắc có chất lượng, những pho tượng to lớn và bề thế bậc nhất trong không gian kiến trúc và nội thất chùa cổ thế kỷ XVII-XIX, góp phần tạo lên tính đa dạng trong nghệ thuật điêu khắc cổ Việt Nam. Các pho tượng đất sét đắp thế kỷ XVII và XVIII ngày nay còn lại không nhiều, nhưng các tác phẩm tượng đất này là những đại diện tiêu biểu nhất cho dòng tượng thờ chất liệu đất

sét đắp của Bắc bộ, phản ánh sự tinh tế, sáng tạo của các nghệ nhân các làng nghề Việt, đồng thời chất liệu đất trong tạo tác tượng thờ cũng minh chứng tính đa dạng, linh hoạt gần gũi của văn hóa đất trong đời sống tâm linh và vật chất của cư dân Việt. Một số ít các pho tượng thể loại đất sét được tạo tác rất công phu và có giá trị thẩm mỹ cao, thể hiện tính hoành tráng, đường vệ theo đúng chức năng đặt định. Số các tác phẩm tượng đất khác thuộc thế kỷ muộn hơn thì kém tinh xảo, kích thước cũng khiêm tốn hơn, nhưng tính dân gian lại có phần đậm đặc hơn.

###### - Nghệ thuật tạo hình tượng đất sét đắp

Điểm khác biệt giữa tạo tác tượng Phật giáo chất liệu đá và gỗ là tượng tròn đất sét đắp không bị hạn chế bởi kích thước của pho tượng, nghệ nhân hoàn toàn chủ động trong toàn bộ quá trình thực hiện các kỹ thuật tạo hình, do tính linh hoạt của đất sét, có thể thêm bớt vuốt nặn mà không lo vỡ, nứt như tượng đá và tượng gỗ. thật may mắn ngày nay chúng ta còn được chiêm ngưỡng các tác phẩm điêu khắc Phật giáo đồ sộ, hoành tráng nhưng cũng rất dung dị và thắm đẫm hồn Việt.

Các pho tượng đất sét đắp chùa Dâu và chùa Bút Tháp đã đạt tới trình độ rất cao của nghệ thuật tượng đất sét đắp:

Về tạo hình: Các pho tượng đất sét đắp của chùa Dâu và chùa Bút Tháp đều đạt tới trạng thái hài hòa của tỉ lệ, ứng với ba tài liệu (phép tạc tượng trong kinh Phật, phép tác tượng trong dân gian các làng nghề, giải phẫu học nghệ thuật). Đây là ba nguồn tài liệu khác nhau về phương pháp tạo hình tượng Phật giáo, nhưng đều thống nhất về hiệu quả thẩm mỹ. Phong cách

nghệ thuật đều thống nhất, kết hợp giữa nghệ thuật Hiện thực và nghệ thuật Biểu tượng. Hiện thực là lấy hình dáng nhân chủng học, trang phục rất gần gũi với cư dân Việt đời thường, Biểu tượng là những yếu tố được thần hóa, phóng đại, lý tưởng hóa. Hai yếu tố này được các nghệ nhân kết hợp nhuần nhuyễn và tinh tế. Phong cách tượng Hiện thực tạo ra một hiệu quả thị giác về sự quen thuộc gần gũi, thân thiện, sự an lành điều rất quan trọng trong giáo lý nhà Phật. Sự thần hóa, phóng đại, lý tưởng hóa, gợi cảm giác siêu nhiên, phi phàm mà con người phàm tục chưa đạt tới được, (tượng các vị Bồ tát, các vị La hán, thị giả thiên về hiện thực gần gũi, tượng Hộ pháp thiên về hướng thần hóa, phóng đại, lý tưởng hóa).

 

*Tượng Hộ Pháp chùa Bút Tháp (ảnh tác giả chụp - 2007)*

Nghệ thuật trang trí: Tượng đất sét đắp chùa Dâu và chùa Bút Tháp cơ bản giống nhau về trang trí, các hoa văn họa tiết. Trên những trang phục được tạo nếp mềm mại và điêu luyện, thống nhất về tạo hình và màu sắc (màu nâu cánh gián), các hoa văn họa tiết trang trí không nhiều, gương mặt các pho tượng hiền hòa, màu trắng ngà được tô vẽ các chi tiết mắt mũi miệng khá tinh tế. Chỉ có bộ đôi nhị vị Thiện – Ác là đặc biệt nhất từ đầu tới chân đều được trang trí công phu tỉ mỉ, đầu đội mũ, thân giáp trụ có nhiều hoa văn vân

mây, dây đai chỉnh tề, ngồi trên linh thú, một chân xếp bằng một chân duỗi. Tay trái thần Thiện cầm viên Minh châu *thiện tâm*, tay phải đặt trên an nhiên trên chân phải, vẻ mặt hiền từ được tô điểm bằng màu sơn trắng ngà sứ mạng là *khuyến thiện*. Thần Ác tay phải cầm binh khí áp sát bên hông, tay phải đặt trên chân phải tĩnh tại, chân dung thần Ác được tô bằng lớp sơn đỏ mắt mở to đầy uy lực, sứ mạng là *trừng ác*. Hai vị Thiện –Ác với vóc dáng to lớn như hai quả núi, phong thái uy nghi đường vệ, pháp khí linh diệu, gây choáng ngợp cho thị giác chính là những tác phẩm đặc sắc nhất của dòng tượng Phật giáo chất liệu đất sét đắp.

Tượng trong không gian kiến trúc: Khác vơi các pho tượng Phật đại đa số là chất liệu gỗ và đồng nằm ở đại điện, bố trí theo tầng lớp, không gian uy nghi trầm mặc. Các pho tượng làm từ đất sét đắp thường được đặt để trong không gian kiến trúc mở, gây cảm giác hiện thực gần gũi với cuộc sống đời thường (tượng 18 vị La hán, tượng Hộ pháp, thị giả…) là ví dụ tiêu biểu. Đây là cách bài trí theo trục thần đạo của ngôi chùa cũng như biểu thị hành trình tu tập để đạt được những cấp độ giác ngộ khác nhau trong Phật giáo. Các pho tượng có tỉ lệ lớn nhỏ khác nhau cũng hàm chứa những mật ý sâu xa khác nhau. Tượng Hộ pháp cao lớn uy dũng, mặc dù gần gũi nhưng vẫn tạo ra một cảm giác linh thiêng nghiêm cẩn, ngoài chức năng bảo vệ Phật pháp đồng thời cũng rất nghiêm khắc với kẻ thủ ác, bảo vệ che trở cho điều thiện. Các pho tượng nhỏ hơn, kích thước ngang với người thật của các vị Bồ tát, La hán, Thị giả, rất gần gũi quen thuộc như đồng cảm, thấu hiểu đối với chúng sinh yếu thế cần chỗ dựa tinh thần.

Nhìn chung không gian nội thất của ngôi chùa gắn liền với chức năng đặt để của các pho tượng, tượng và không gian nội thất hòa làm một tổng thể không thể tách rời.

 

*Nhóm tượng tứ Bồ tát, thế kỷ 18, chùa Dâu, gỗ và đất phủ sơn chùa Dâu Bắc Ninh (ảnh tác giả chụp - 2009)*

###### - Màu sắc trong điêu khắc tượng tròn đất sét đắp

Tượng thờ Phật giáo thời Lý - Trần nói chung không để lại dấu tích nào cho thấy nghệ thuật sơn màu *(sơn ta)* có được sử dụng để trang trí lên bề mặt tác phẩm hay không, đến nay vẫn còn là ẩn số. Chỉ đến thời Lê nghệ thuật điêu khắc tượng gỗ, tượng đất phát triển mạnh mẽ thì nghệ thuật sơn màu trên bề mặt tượng thờ mới được ghi nhận. Ngoài chức năng bảo vệ cho phần cốt của pho tượng thì màu sắc trang trí trên tượng thờ còn tạo ra những hiệu quả về thị giác và tâm linh, làm cho không gian đặt tượng thờ tăng thêm phần linh thiêng và trang nghiêm.

Trong Kinh Phật nguyên thủy có đề cập đến bốn danh từ “*Pathavi, Apo, Vayo và Tejo”,* được dịch thành: đất, nước, gió, lửa, đó là bốn yếu tố cấu thành nên toàn bộ vật chất thuộc về phạm trù vật lý của thế gian mà sau này, Phật giáo đã khái quát ngắn gọn bằng phạm trù “Tứ

đại”. Đất trong Tứ Đại là chất rắn, nước là chất lỏng, gió là chất khí và lửa là hơi ấm. Với cách nhìn tổng quát này, chúng ta dễ dàng nhận thấy Tứ đại hiện hữu trong tất cả những hiểu biểu biết về vật chất của chúng ta. Lấy ví dụ về chính cơ thể con người chúng ta: xương, thịt, da, tóc… đó là chất rắn; máu, mủ, dịch,… là chất lỏng; hơi thở lưu thông là chất khí và thân nhiệt là hơi ấm… Vậy liên hệ phạm trù Tứ đại với màu sắc chúng ta có thể hiểu như sau: màu vàng và màu đỏ, biểu thị cho lửa; màu nâu, biểu thị cho đất; màu trắng biểu thị cho không khí (gió); màu đen biểu thị cho nước.

Trong quan niệm của người Việt, ngoài ý nghĩa của Phật giáo thì màu đỏ, màu vàng biểu thị cho sinh khí, hỷ sự, sang trọng. Màu nâu là màu của đất được dùng để biểu lộ tính thân thiện, giản dị, nơi con người gieo trồng sinh sống, như tấm áo nâu mặc hàng ngày. Màu trắng biểu hiện cho trí tuệ, sự kính trọng, sự thuần khiết. Màu đen biểu thị cho nguồn nước, là con sông, con suối là ao là hồ, cung cấp nước uống, sản suất nông nghiệp…

Tất cả điều đó đã tạo nên ý nghĩa tâm linh rất đặc biệt, linh thiêng, trang trọng, nhưng cũng hết sức giản dị của chốn tu thiền, đây cũng là chức năng tâm linh của nghệ thuật sơn màu, trang trí trong điêu khắc tượng tròn Phật giáo nói chung và điêu khắc Phật giáo đất sét đắp chùa Dâu và chùa Bút Tháp tỉnh Bắc Ninh nói riêng.

##### Kết luận

Tượng Phật giáo chất liệu đất sét đắp Đồng bằng Bắc bộ nói chung, tượng đất sét đắp chùa Dâu, chùa Bút Tháp tỉnh Bắc Ninh nói riêng là những di sản nghệ thuật truyền thống quý giá, đặc sắc, thấm

đẫm tâm hồn, sự sáng tạo của cư dân Việt, biểu hiện từ những góc nhìn sau:

1. Tượng tròn chất liệu đất sét đắp chùa Dâu, chùa Bút Tháp thuộc nhóm tượng quý, có giá trị thẩm mỹ cao.
2. Quy trình, chất liệu tạo tác các pho tượng đất sét đắp Phật giáo, là tư liệu quý về sự độc đáo sáng tạo trong mỹ thuật của cư dân Đồng bằng Bắc bộ, đồng thời cũng là di sản văn hóa quý báu của dân tộc.
3. Nghệ thuật bài trí các pho tượng tròn đất sét đắp tại hai ngôi chùa Dâu và Bút Tháp ngoài việc tuân thủ các quy chuẩn của Phật giáo, còn là sự khéo léo kết hợp hài hòa giữa không gian kiến trúc và cách đặt để các pho tượng thành một tổng thể hài hòa sống động.
4. Các pho tượng Hộ Pháp thuộc hai ngôi chùa Dâu và Bút Tháp thuộc hàng to lớn bề thế và đẹp nhất Việt Nam.
5. Màu sắc trong trang trí tượng Phật giáo đất sét đắp chùa Dâu và Bút Tháp kế thừa nhiều nét đặc trưng từ Phật giáo Ấn Độ cổ đại, đồng thời cũng thấm đẫm sự mộc mạc hồn hậu

của sắc mầu sắc làng quê Việt ở Đồng bằng Bắc bộ.

1. Ngày nay, nghệ nhân tạo tác các loại tượng này không còn nhiều và dần

mai một, do sự lên ngôi của các chất liệu làm tượng tốt hơn. Những tượng Phật đắp bằng đất sét đang xuống cấp theo năm tháng. Nguy cơ mất hết các pho tượng đắp bằng đất sét là không xa. Kính đề nghị các tập thể, cá nhân có thẩm quyền sớm có hành động kịp thời giữ gìn, bảo tồn những giá trị tinh hoa văn hóa, nghệ thuật cho các thế hệ con cháu Việt mai sau.

***Tài liệu tham khảo:***

[1]. Trương Duy Bích (1998), *Nghề tạc tượng ở Hà Cầu Đồng Minh Vĩnh Bảo Hải Phòng,* Luận văn thạc sĩ Văn hóa học. Viện Nghiên cứu văn hoá.

[2]. Trần Lâm Biền (2001), *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.

[3]. Tô Ngọc Thanh (1986), *Nghệ thuật tạo hình dân gian phải là một thành tố của folklore*, tạp chí *Văn hóa dân gian*, (4), Hà Nội.

[4]. Bùi Văn Tiến (2000), *Chùa Bút Tháp*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[5]. Phan Cẩm Thượng (2002) *Chùa Dâu và Nghệ thuật Tứ Pháp,* Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.

[6]. Chu Quang Trứ (2016), *Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.

***Địa chỉ tác giả: Khoa Tạo dáng Công nghiệp trường Đại học Mở Hà Nội***

***Địa*** [***chỉ email: mtcndesign82@gmail.com***](mailto:mtcndesign82@gmail.com)

36 *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Mở Hà Nội 79 (05/2021) 36-43*

*Nghiên cứu trao đổi* ● *Research-Exchange of opinion*